

Bản án số: 24/2019/DS-ST
Ngày: 28-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Hân

Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2019/QĐST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (tên viết tắt là Ngân hàng T); địa chỉ trụ sở chính: Số H, phường L, quận Đ, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đinh Xuân V, sinh năm 1995, là cán bộ xử lý nợ của Ngân hàng, là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền số 3039/2019/UQ-VPB ngày 09/5/2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T); có mặt.

- Bị đơn: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị S, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện: Giữa Ngân hàng T với ông Bùi Văn T đã thỏa thuận và ký hợp đồng tín dụng số LN1706030066826 (Số liệu

điện tử trong hệ thống ngân hàng: LD1716300825) ngày 11/5/2017 và giải ngân ngày 12/6/2017. Theo hợp đồng, ngân hàng cho ông T vay số tiền 150.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay 60 tháng từ ngày 12/6/2017, lãi suất vay 32%/năm. Ông T có nghĩa vụ thanh toán cả gốc và lãi theo kỳ (vào ngày 12 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 7/2017, tổng cộng 60 kỳ). Ngoài ra, hợp đồng tín dụng được hai bên thỏa thuận các nội dung liên quan đến quan hệ tín dụng, về quyền và nghĩa vụ của hai bên.

Ngoài ra, hai bên có ký kết Hợp đồng tín dụng số 324-P-3236329 kèm mở thẻ tín dụng, giải ngân ngày 08/12/2017 với số tiền vay 20.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay 60 tháng từ ngày 08/12/2017, lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 48%/năm và điều chỉnh theo quy định của ngân hàng.

Thực hiện hợp đồng tín dụng số LN1706030066826 ngày 11/5/2017, ngày 12/6/2017, ngân hàng đã giải ngân và ông T đã nhận đủ số tiền 150.000.000 đồng. Ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng và khoản vay bị nợ quá hạn kể từ ngày 12/6/2018. Đến ngày 28/11/2019, hợp đồng tín dụng số LN1706030066826 ngày 11/5/2017 và giải ngân ngày 12/6/2017, bị đơn đã trả 18.242.352 đồng tiền nợ gốc, 42.787.380 đồng tiền nợ lãi, 64.512 đồng lãi phạt chậm trả, ông T còn nợ gốc phải trả là 131.757.648 đồng, lãi phải trả 98.442.440 đồng và phạt chậm trả lãi là 8.501.644 đồng.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng số 324-P-3236329 kèm mở thẻ tín dụng, giải ngân ngày 08/12/2017. Ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng và khoản vay bị nợ quá hạn kể từ ngày 12/5/2018. Đến ngày 28/11/2019, Hợp đồng tín dụng số 324-P-3236329 kèm mở thẻ tín dụng, giải ngân ngày 08/12/2017, bị đơn đã trả tiền tổng cộng là 3.344.984 đồng tiền nợ gốc và nợ lãi, tổng dư nợ phát sinh trong kỳ (tiền nợ gốc và lãi) là 43.376.731 đồng, ông T còn phải trả là 40.031.747 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 17.999.499 đồng và tiền nợ lãi phải trả 22.032.248 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, trao đổi, làm việc yêu cầu ông T thanh toán cho ngân hàng theo đúng hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên. Tuy nhiên, ông T không thực hiện việc trả nợ cho ngân hàng. Do ông T đã vi phạm thỏa thuận nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 28/11/2019 là 278.733.479 đồng (trong đó nợ gốc là 149.757.147 đồng, nợ lãi là 120.474.688 đồng, phạt chậm trả lãi 8.501.644 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 29/11/2019.

Ông Bùi Văn T là bị đơn, đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không đến Tòa án và cũng không trình bày quan điểm về việc ngân hàng khởi kiện đối với ông.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến quy định tại Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử,

Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ông Bùi Văn T là bị đơn và bà Vũ Thị S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của ngân hàng đối với ông Bùi Văn T:

Xét hợp đồng tín dụng số LN1706030066826 (Số liệu điện tử trong hệ thống ngân hàng: LD1716300825) ngày 11/5/2017 giải ngân ngày 12/6/2017 và Hợp đồng tín dụng số 324-P-3236329 kèm mở thẻ tín dụng, giải ngân ngày 08/12/2017 giữa ngân hàng với ông Bùi Văn T đều được ký bởi người đại diện hợp pháp của ngân hàng là bên cho vay với bên vay là ông T. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng tín dụng có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên cho vay là ngân hàng đã giải ngân, ông T đã nhận đủ số tiền vay theo đúng hợp đồng tín dụng. Như vậy, ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo hợp đồng.

Việc ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng đối với hợp đồng tín dụng số LN1706030066826 ngày 11/5/2017 từ ngày 12/6/2018 và không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng đối với hợp đồng tín dụng số 324-P-3236329 kèm mở thẻ tín dụng, giải ngân ngày 08/12/2017 đến nay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu bên vay là ông T phải thanh toán toàn bộ khoản nợ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng buộc ông Bùi Văn T phải thanh toán số tiền là 278.733.479 đồng (trong đó nợ gốc là 149.757.147 đồng, nợ lãi là 120.474.688 đồng, phạt chậm trả lãi 8.501.644 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 29/11/2019 cho đến khi ông T trả hết nợ.

Quá trình điều tra, xác minh thu thập chứng cứ thể hiện khoản vay trên của ông T đối với ngân hàng không nhằm vào mục đích sử dụng cho nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình ông T và bà S.

[3]. Về áp dụng pháp luật, hợp đồng tín dụng được các bên ký kết và thực hiện tại thời điểm Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 (sau đây gọi tắt là Bộ luật dân sự) có hiệu lực pháp luật và Luật Các tổ chức tín dụng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị Quyết số 01/2019/NQ-

HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm để giải quyết vụ án.

[4]. Về án phí: Ông Bùi Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về giải quyết nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T, buộc ông Bùi Văn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền là 278.733.479 đồng (trong đó nợ gốc là 149.757.147 đồng, nợ lãi là 120.474.688 đồng, phạt chậm trả lãi 8.501.644 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 29/11/2019 cho đến khi ông Bùi Văn T trả hết nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Bùi Văn T có nghĩa vụ nộp 13.936.673 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền 4.400.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002561 ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố H;
- Chi cục THADS huyện T;
- VKSND huyện T;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vân